TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **36/**2018/HNGĐ-PT
Ngày: 14-11-2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyến.
Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương
Ông Vũ Hồng Luyến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Thư- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường C - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2018/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp ly hôn, con chung*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Xbị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị V**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Ấp C, xã S, H1ện X, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên lạc: Ấp L, xã T, H1ện N, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: **Anh Nguyễn Tấn B**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Ấp C, xã S, H1ện X, tỉnh Đồng Nai.
- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 và trong quá trình làm việc, nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tấn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, H1ện X, tỉnh Đồng Nai. Đây là lần kết hôn đầu tiên của anh chị.

Sau khi kết hôn, chị và anh B sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau; anh B không có trách nhiệm lo cho kinh tế gia đình. Anh B đi làm xa nhà, vài tháng mới về thăm vợ con một lần và chỉ đưa từ một đến hai triệu đồng để chị nuôi con nên cuộc sống kinh tế gia đình rất khó khăn. Đến tháng 6 năm 2015, chị và anh B ly thân; chị đưa hai con chung về học tại H1ện N, tỉnh Đồng Nai. Từ đó đến nay, anh B không quan tâm tới cuộc sống của ba mẹ con chị. Nay chị không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 23/10/2007 và cháu Nguyễn Minh H2, sinh ngày 23/5/2009. Hiện nay, cháu H1 và cháu H2 đang sinh sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V xác định không có.

Về nợ chung: Chị V xác định không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tấn B được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh B đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện X đã căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị V. Chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Tấn B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 23/10/2007 và cháu Nguyễn Minh H2, sinh ngày 23/5/2009 cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Tấn B.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Bùi Thị V phải nộp 300.000 đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có Quyết định kháng nghị số 266/QĐ/KNT-P.9 kháng nghị bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân Huyện X với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về việc áp dụng pháp luật và cách tuyên phần tài sản chung, nợ chung.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử.

Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần án sơ thẩm như nội dung kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai làm trong hạn luật định nên được xem xét theo quy định.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm vì cho rằng có thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật. Nội dung kháng nghị này là chính xác bởi lẽ: Chị V và anh B chung sống từ năm 2007, đăng ký kết hôn năm 2012. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì "áp dụng luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết". Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các điều luật của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết nội dung là không chính xác mà phải căn cứ quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, áp dụng và các quy định của luật hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết nội dung tranh chấp. Do vậy cần bổ sung.

[3] Kháng nghị của Viện kiểm sát về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị V khai về tài sản chung, nợ chung là không có. Quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn anh B vắng mặt nên không có lời trình bày, không có lời khai xác nhận về tài sản chung vợ chồng nên chưa đủ cơ sở để xác định chị V và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung. Do vậy, quyết định của bản án sơ thẩm tuyên về tài sản chung, nợ chung không có là chưa đủ cơ sở. Sau khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 89/2018/QĐ-SCBSBA ngày 11/7/2018 sửa thành "Tài sản chung, nợ chung: *Không xem xét, giải quyết*". Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 89/2018/QĐ-SCBSBA ngày 11/7/2018 không thể hiện có sự phối hợp của các thành viên Hội đồng xét xử, không phù hợp với biên bản nghị án và có nội dung làm thay đổi nội dung Quyết định của bản án không phải trường hợp sai sót về chính tả nên Quyết định số 89/2018/QĐ-SCBSBA ngày 11/7/2018 là vi phạm quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự nên không có giá trị pháp lý. Kháng nghị của Viện kiểm sát là chính xác cần chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con, bản án sơ thẩm tuyên "Tạm miễn" là không chính xác. Việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha mẹ và là quyền của đứa trẻ, Tòa án không có quyền miễn hay tạm miễn. Do người trực

tiếp nuôi con tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án phải tuyên "tạm thời …không phải cấp dưỡng nuôi con chung". Do vậy, cũng cần sửa nội dung này cho chính xác.

Các đương sự không phải chịu án phí DSPT.

Vì những lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 89, 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Căn cứ các Điều 53, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị V xin ly hôn anh Nguyễn Tấn B. Chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Tấn B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 23/10/2007 và cháu Nguyễn Minh H2, sinh ngày 23/5/2009 cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tấn B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000 đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 (*ba trăm ngàn đồng)* chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000360 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện X được chuyển thành tiền án phí. Chị V đã nộp đủ án phí.

Các đương sự không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa

Vũ Hồng Luyến Phan Thị Thu Hương Nguyễn Thị Hồng Tuyến